

Số: 15/2024/QĐST- DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST - DS ngày 07/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: Số 18 đường Lê Văn L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, phường L, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D – chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ - Chức vụ Giám đốc chi nhánh Công ty M; Địa chỉ: Tầng 3, số 174 Lê Đình L, phường H, Quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Nguyễn Việt T – Chức vụ Trưởng phòng xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 3, số 174 Lê Đình L, phường H, Quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Huỳnh Lê Thanh H – Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 3, số 174 Lê Đình L, phường H, Quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Nguyễn Đức T - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 3, số 174 Lê Đình L, phường H, Quận H, thành phố Đà Nẵng.

4. Ông Trương Phương N - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 3, số 174 Lê Đình L, phường H, Quận H, thành phố Đà Nẵng.

5. Ông Hoàng Văn N - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Số 18 đường Q, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh V, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1996. Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 17/12/2024 là 992.512.996 đồng. Trong đó: dư nợ gốc là 899.213.902 đồng, dư nợ lãi: 93.299.094 đồng. Thỏa thuận cho KH trả theo lộ trình như sau:

- Kỳ trả nợ đầu tiên: Từ ngày hòa giải thành đến ngày 31/12/2024, anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P phải trả nợ số tiền 100.000.0000 đồng tiền gốc (một trăm triệu đồng).

- Kỳ trả nợ thứ hai: Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/01/2025, anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 799.213.902 đồng (bảy trăm chín mươi chín triệu, hai trăm mười ba nghìn, chín trăm lẻ hai đồng) và tiền lãi phát sinh đến ngày thực trả.

- Trường hợp anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P vi phạm bất kỳ tháng/kỳ trả nợ nào thì MB sẽ có quyền yêu cầu Thi hành án đối với toàn bộ nghĩa vụ còn lại theo bản án/quyết định thỏa thuận.

Kể từ ngày tiếp theo ngày hòa giải (17/12/2024) anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2 Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P không thanh toán số nợ và vi phạm bất kỳ tại kỳ trả nợ nào nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 23 diện tích 86,2m² địa chỉ tại Thôn C, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA 476100, số vào sổ cấp GCN: CS07488 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh

Quảng Bình cấp ngày 18/3/2021 cho chị Nguyễn Thị Thúy P theo Hợp đồng thế chấp số 151800.21.50.13205510.BĐ ngày 26/10/2021.

3. Về án phí sơ thẩm:

Anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P tự nguyện chịu số tiền 20.887.694 đồng (hai mươi triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 20.308.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0002702 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Phan Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy P có nghĩa vụ nộp số tiền 5.000.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã N, huyện B;
- UBND xã B, TP Đ;
- Dương sự (.....);
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng